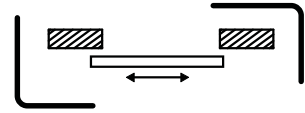
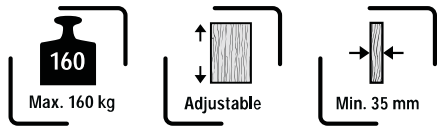


SLIDO CLASSIC 160-P



Straight sliding system for wooden door
Hệ thống cửa trượt thẳng cho cửa gỗ



FEATURES

Đặc tính kỹ thuật

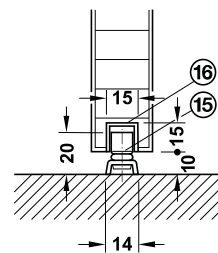
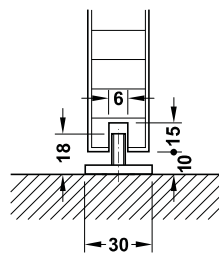
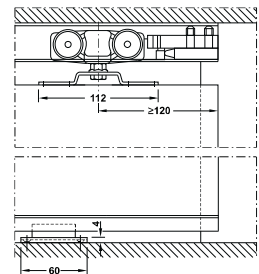
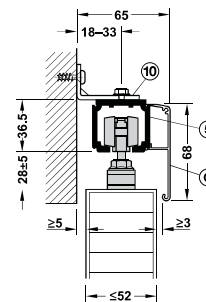
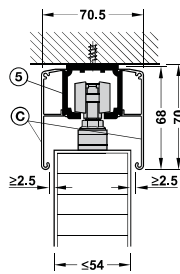
- > Area of application: For 1-leaf and 2-leaf wooden sliding door
- > Adjustment: Adjustable door height
- > Installation: Suspension with screwed-on support flange
- > Door weight: ≤ 160 kg

- > Ứng dụng: Cửa trượt gỗ 1 hoặc 2 cánh
- > Điều chỉnh: Chiều cao cửa có thể điều chỉnh được
- > Lắp đặt: Bas treo nổi
- > Khối lượng cửa: ≤ 160 kg



TECHNICAL DRAWING

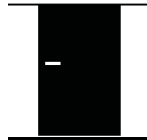
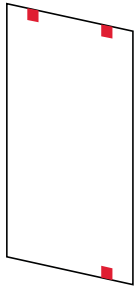
Hình ảnh và thông số kỹ thuật





SLIDO CLASSIC 160-P

COMPLETE SET FOR DOOR WEIGHT UNDER 160KG/ TRỌN BỘ PHỤ KIỆN CHO CỬA NẶNG ĐẾN 160 KG
 (Track to be ordered separately/ Ray trượt đặt hàng riêng)



Set without soft closing mechanism
 Bộ phụ kiện không bao gồm giảm chấn

Art. No./ Mã: 940.82.256

Price/ Giá: 792.000

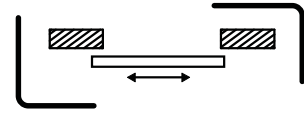
Set consists of / Bộ phụ kiện bao gồm:

- > 2 running gears / 2 bánh xe
- > 1 floor guide / 1 dẫn hướng sàn
- > 2 track buffers / 2 chặn bánh xe

CLASSIC 160-P SET COMPONENTS / PHỤ KIỆN THÀNH PHẦN

Running gear Bánh xe trượt		Art. No. Mã số
Running gear Bánh xe trượt		941.62.013
Track buffer Chặn bánh xe		941.62.042
Floor guide Dẫn hướng sàn		940.42.034

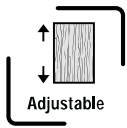
SLIDO CLASSIC 160-K



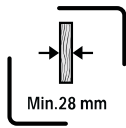
Straight sliding system for wooden door
Hệ thống cửa trượt thẳng cho cửa gỗ



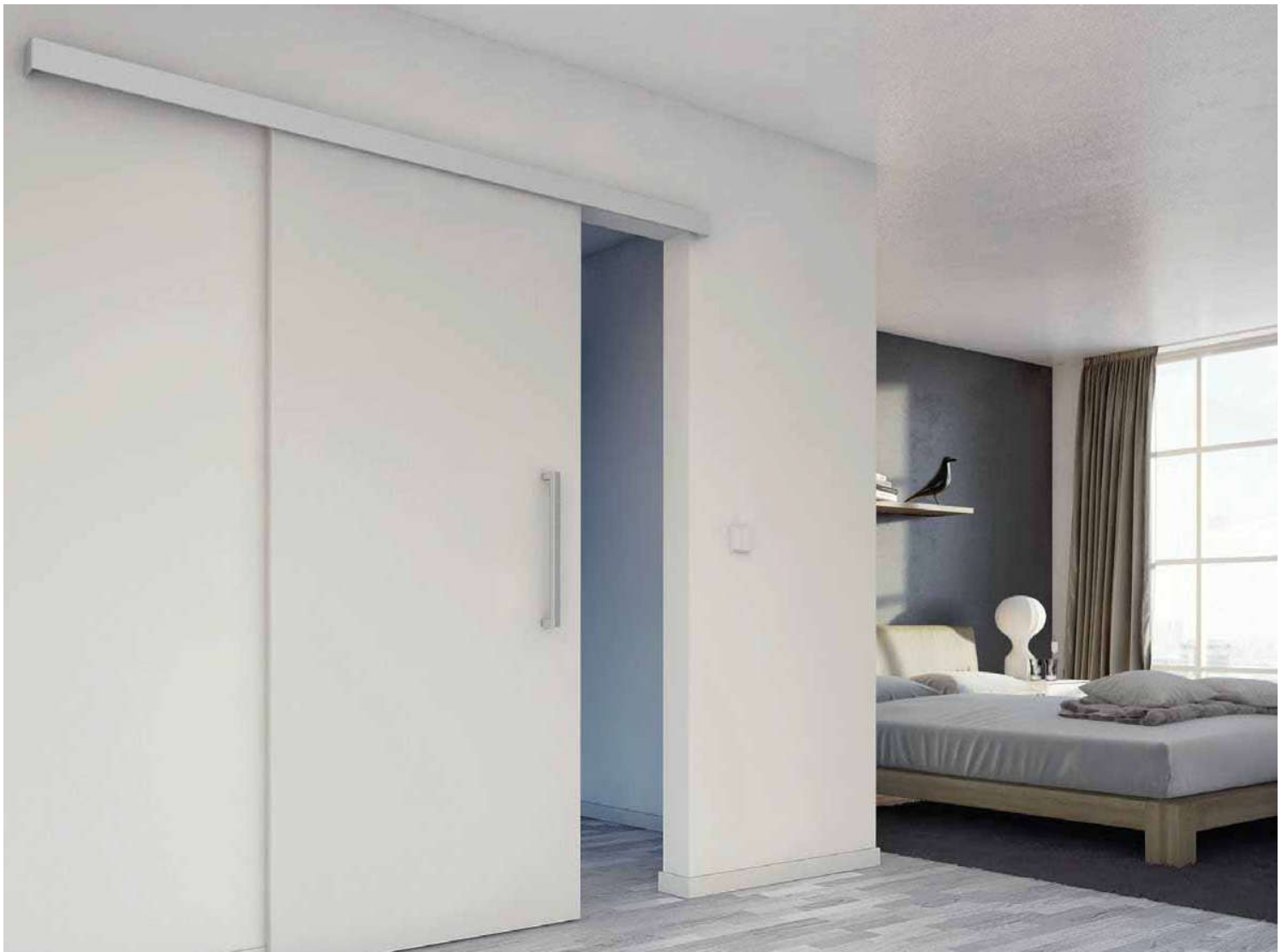
Max. 160 kg



Adjustable



Min. 28 mm



FEATURES

Đặc tính kỹ thuật

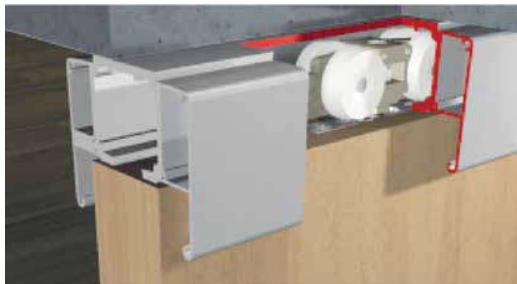
- > Area of application: For 1-leaf and 2-leaf wooden sliding door
- > Adjustment: Adjustable door height
- > Installation: Suspension fitting with concealed support flange
- > Door weight: ≤ 160 kg

- > Ứng dụng: Cửa trượt gỗ 1 hoặc 2 cánh
- > Điều chỉnh: Chiều cao cửa điều chỉnh được
- > Lắp đặt: Bas treo gắn âm
- > Khối lượng cửa: ≤ 160 kg

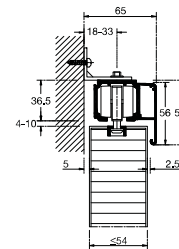
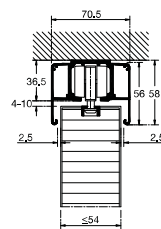


TECHNICAL DRAWING

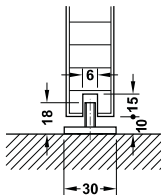
Hình ảnh và thông số kỹ thuật



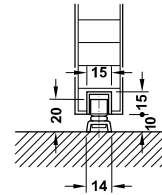
Ceiling installation and wall mounting
Gắn trần hoặc treo tường



Ceiling installation with wooden panel
Gắn trần với nắp che gỗ



Wall installation with wooden panel
Treo tường với nắp che gỗ



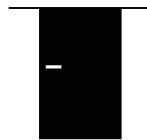
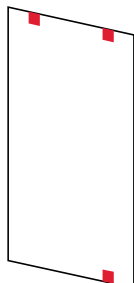
Floor guide without guide track in door leaf
Dẫn hướng sàn không có thanh dẫn hướng gắn cửa

Floor guide with U-shaped guide track in door leaf and floor guide roller
Dẫn hướng sàn có bánh xe và ray chữ U gắn cửa



SLIDO CLASSIC 160-K

COMPLETE SET FOR DOOR WEIGHT UNDER 160KG/ TRỌNG BỘ PHỤ KIỆN CHO CỬA NẶNG ĐẾN 160 KG
(Track to be ordered separately/ Ray trượt đặt hàng riêng)



Set without soft closing mechanism
Bộ phụ kiện không bao gồm giảm chấn

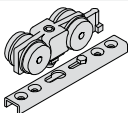
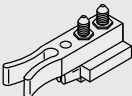
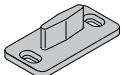
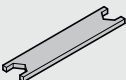
Art. No./ Mã: 940.82.255

Price/ Giá: 1.111.000

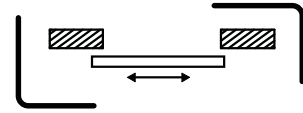
Set consists of / Bộ phụ kiện bao gồm:

- > 2 running gears / 2 bánh xe
- > 1 floor guide / 1 dẫn hướng sàn
- > 2 track buffers / 2 chặn bánh xe
- > 1 mounting key tool / 1 cờ lê

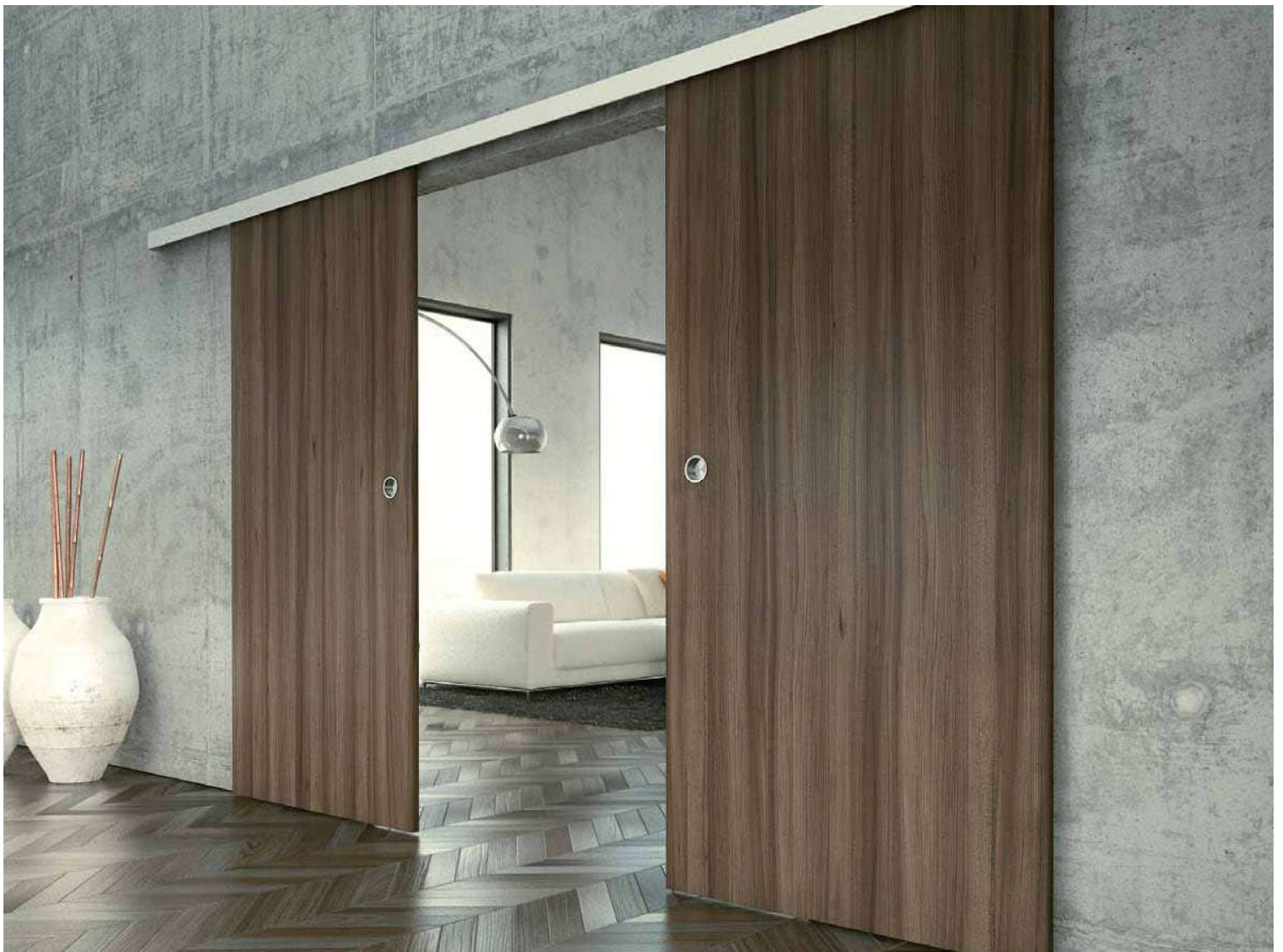
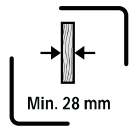
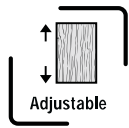
CLASSIC 160-K SET COMPONENTS / PHỤ KIỆN THÀNH PHẦN

Running gear Bánh xe trượt		Art. No. Mã số
Running gear Bánh xe trượt		941.62.014
Track buffer Chặn bánh xe		941.62.042
Floor guide Dẫn hướng sàn		940.42.034
Mounting key tool Cờ lê		940.43.032

SLIDO CLASSIC 160-0



Straight sliding system for wooden door
Hệ thống cửa trượt thẳng cho cửa gỗ



FEATURES

Đặc tính kỹ thuật

- > Area of application: For 1-leaf and 2-leaf wooden sliding door
- > Adjustment: Adjustable door height
- > Installation: Suspension with recessed flange clip (without tools)
- > Door weight: ≤ 160 kg

- > Ứng dụng: Cửa trượt gỗ 1 hoặc 2 cánh
- > Điều chỉnh: Chiều cao cửa có thể điều chỉnh được
- > Lắp đặt: Bas treo với đầu gài (không cần dụng cụ)
- > Khối lượng cửa: ≤ 160 kg

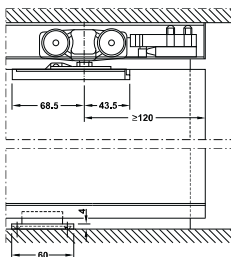


TECHNICAL DRAWING

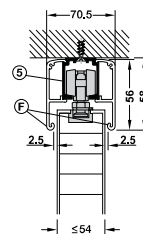
Hình ảnh và thông số kỹ thuật



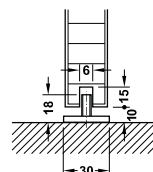
Section trolley hanger and guide
Vị trí bánh xe và dẫn hướng



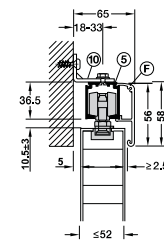
Ceiling installation and wall mounting
Gắn trần hoặc treo tường



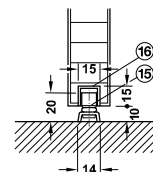
Ceiling installation with clip panel
Gắn trần với nắp che



Floor guide without guide track in door leaf
Dẫn hướng sàn không gồm thanh dẫn hướng gắn cửa

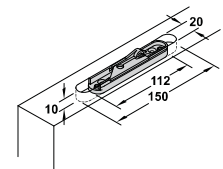


Wall installation with clip panel
Treo tường với nắp che



Floor guide with U-shaped guide track in door leaf and floor guide roller
Dẫn hướng sàn kèm theo thanh dẫn hướng gắn cửa dạng chữ U và bánh xe

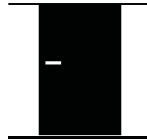
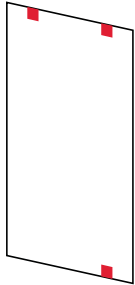
Routing dimension
Kích thước khoan cắt





SLIDO CLASSIC 160-O

COMPLETE SET FOR DOOR WEIGHT UNDER 160KG/ TRỌN BỘ PHỤ KIỆN CHO CỬA NẶNG ĐẾN 160 KG
(Track to be ordered separately/ Ray trượt đặt hàng riêng)



Set without soft closing mechanism
Bộ phụ kiện không bao gồm giảm chấn

Art. No./ Mã: 941.62.006

Price/ Giá: 1.551.000

Set consists of / Bộ phụ kiện bao gồm:

- > 1 left running gear / 1 bánh xe trái
- > 1 right running gear / 1 bánh xe phải
- > 2 track buffers / 2 chặn bánh xe
- > 1 floor guide / 1 dẫn hướng sàn

CLASSIC 160-O SET COMPONENTS / PHỤ KIỆN THÀNH PHẦN

Running gear Bánh xe trượt		Art. No. Mã số
Left running gear Bánh xe trượt trái		941.62.016
Right running gear Bánh xe trượt phải		941.62.017
Track buffer Chặn bánh xe		941.62.042
Floor guide Dẫn hướng sàn		940.42.034

RUNNING TRACKS AND ACCESSORIES (SUITABLE FOR 160-P, 160-K, 160-O) / RAY TRƯỢT VÀ PHỤ KIỆN (PHÙ HỢP VỚI 160-P, 160-K, 160-O)

Running track Ray trượt	Material Vật liệu	Finish Màu hoàn thiện	Length (mm) Chiều dài (mm)	Art. No. Mã số	Price* (VND) Giá* (Đ)	
40.5x36.5 mm (WxH) 40.5x36.5 mm (RxC)		Aluminium Nhôm	Silver anodized Bạc anod	2,000	941.62.721	599.500
				3,000	941.62.731	902.000
				4,000	941.62.741	1.199.000
				6,000	941.62.761	1.793.000

ADDITIONAL COMPONENTS / PHỤ KIỆN BỔ SUNG

Additional components Phụ kiện bổ sung	Material Vật liệu	Finish Màu hoàn thiện	Wall distance track centre (mm) Khoảng cách tâm ray đến tường (mm)	Length (mm) Chiều dài (mm)	Art. No. Mã số	Price* (VND) Giá* (Đ)	
Wall mounting bracket with screw and nut Bas treo tường cho ray trượt kèm ốc và vít		Steel Thép	Galvanized Ma kẽm	16-25	36	940.42.061	33.000
				18-33	44	940.62.061	55.000
				33-55	64	940.42.063	44.000
Floor guide roller Ø10 mm Dẫn hướng sàn có bánh xe 10 mm	Steel Thép	Galvanized Ma kẽm			940.42.032	55.000	
U-shaped guide track 15x15x1.5mm Ray dẫn hướng dạng chữ U 15x15x1.5mm		Alumi- nium Nhôm	Clear anodized Nhôm anod	2,000	940.42.201	132.000	
				3,000	940.42.301	198.000	
				4,000	940.42.401	264.000	
				6,000	940.42.601	396.000	